

## ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC MÔN HÓA NĂM 2014 - 2015

**Câu 1:** Cho các phát biểu sau:

- (1)  $\text{CaOCl}_2$  là muối kép.
- (2) Liên kết kim loại là liên kết được hình thành giữa các nguyên tử và ion kim loại trong mạng tinh thể do sự tham gia của các electron tự do.
- (3) Suphephotphat kép có thành phần chủ yếu là  $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ .
- (4) Trong các HX (X: halogen) thì HF có tính axit yếu nhất.
- (5) Bón nhiều phân đạm amoni sẽ làm cho đất chua.
- (6) Kim loại có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là thủy ngân (Hg).
- (7)  $\text{CO}_2$  là phân tử phân cực.

Số phát biểu đúng là:

A. 7.    B. 4.    C. 6.    **D. 5.**

**Câu 2.** Hỗn hợp **X** gồm các chất hữu cơ mạch hở, đơn chức có cùng công thức phân tử là  $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ . Đun nóng nhẹ 14,4 gam **X** với dung dịch KOH dư đến hoàn toàn thu được dung dịch **Y** (giả sử không có sản phẩm nào thoát ra khỏi dung dịch sau phản ứng). Trung hòa bazơ còn dư trong dung dịch **Y** bằng  $\text{HNO}_3$ , thu được dung dịch **Z**. Cho **Z** tác dụng với dung dịch  $\text{AgNO}_3$  dư trong  $\text{NH}_3$  thu được 43,2 gam kết tủa. Hỏi cho 14,4 gam **X** tác dụng Na dư thu được tối đa bao nhiêu lit  $\text{H}_2$  ở đktc ?

A. 3,36 lit                      B. 4,48 lit                      **C. 1,12 lit**                      D. 2,24 lit

**Câu 3:** Hợp chất hữu cơ **X** (C, H, O) có  $M_x < 140$ . Cho 2,76 gam **X** tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, sau đó chưng khô thì phần hơi chỉ có  $\text{H}_2\text{O}$ , phần rắn **Y** chứa hai muối nặng 4,44 gam. Nung nóng **Y** trong  $\text{O}_2$  dư được 0,03 mol  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ; 0,11 mol  $\text{CO}_2$  và 0,05 mol  $\text{H}_2\text{O}$ . Số công thức cấu tạo có thể có của **X** là

A. 2.                              **B. 3.**                              C. 4.                              D. 5.

**Câu 4.** Chia 156,8 gam hỗn hợp **L** gồm FeO,  $\text{Fe}_3\text{O}_4$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  thành hai phần bằng nhau. Cho phần thứ nhất tác dụng hết với dung dịch HCl dư được 155,4 gam muối khan. Phần thứ hai tác dụng vừa đủ với dung dịch **M** là hỗn hợp HCl,  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng thu được 167,9 gam muối khan. Số mol của HCl trong dung dịch **M** là

**A. 1,80 mol**                      B. 1,00 mol                      C. 1,50 mol                      D. 1,75 mol

**Câu 5.** Dãy gồm các kim loại được điều chế trong công nghiệp bằng phương pháp điện phân hợp chất nóng chảy của chúng, là:

A. Na, Cu, Al.                      B. Na, Ca, Zn.                      **C. Na, Ca, Al.**                      D. Fe, Ca, Al.

**Câu 6.** Để phân biệt các dung dịch riêng biệt gồm NaOH, NaCl,  $\text{BaCl}_2$ ,  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  chỉ cần dùng thuốc thử

A.  $\text{H}_2\text{O}$  và  $\text{CO}_2$                       B. quỳ tím                      C. dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$                       **D. dung dịch  $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$**

**Câu 7.** **X** là tetrapeptit Ala-Gly-Val-Ala, **Y** là tripeptit Val-Gly-Val. Đun nóng m gam hỗn hợp **X** và **Y** có tỉ lệ số mol  $n_X : n_Y = 1 : 3$  với 780 ml dung dịch NaOH 1M (vừa đủ), sau khi phản ứng kết thúc thu được dung dịch **Z**. Cô cạn dung dịch thu được 94,98 gam muối. m có giá trị là

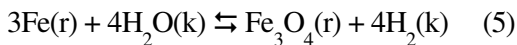
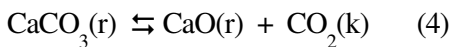
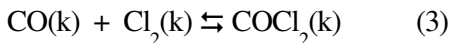
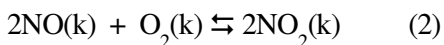
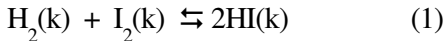
A. 77,04 gam.                      **B. 68,10 gam.**                      C. 65,13 gam                      D. 64,86 gam.

**Câu 8** Nhiệt phân hoàn toàn hỗn hợp **X** gồm  $\text{KNO}_3$ ,  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ ,  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  và  $\text{AgNO}_3$  (trong đó số mol  $\text{KNO}_3$ ,  $\text{AgNO}_3$ ,  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$  bằng nhau và bằng x mol) trong không khí đến khối lượng không đổi được chất rắn **Y** và hỗn hợp khí **Z**. Hấp thụ **Z** vào nước (dư) được dung dịch **T** và sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thấy có 0,25x mol khí thoát ra (lượng oxi tan trong nước không đáng kể). % khối lượng của

Fe(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> trong X là :

- A. 63,21%                      B. 30,05%                      C. 46,21%                      D. 56,31%

**Câu 9.** Cho các cân bằng:



Các cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi tăng áp suất là:

- A. 2, 3                              B. 1, 4                              C. 2, 3, 5                              D. 1, 5

**Câu 10.** Các hợp chất trong dãy chất nào dưới đây đều có tính lưỡng tính?

- A. Cr(OH)<sub>3</sub>, Zn(OH)<sub>2</sub>, Mg(OH)<sub>2</sub>.                              B. Cr(OH)<sub>3</sub>, Zn(OH)<sub>2</sub>, Pb(OH)<sub>2</sub>.  
C. Cr(OH)<sub>3</sub>, Pb(OH)<sub>2</sub>, Mg(OH)<sub>2</sub>.                              D. Cr(OH)<sub>3</sub>, Fe(OH)<sub>2</sub>, Mg(OH)<sub>2</sub>.

**Câu 11** Cho từ từ khí CO qua ống đựng 3,2 gam CuO nung nóng. Khí thoát ra khỏi ống được hấp thụ hoàn toàn vào nước vôi trong dư tạo thành 1 gam kết tủa. Chất rắn còn lại trong ống sứ cho vào cốc đựng 500 ml dung dịch HNO<sub>3</sub> 0,16M thu được V<sub>1</sub> lít khí NO là khí duy nhất và còn lại một phần kim loại chưa tan. Thêm tiếp vào cốc 760 ml dung dịch HCl 2/3 M, sau phản ứng được thêm V<sub>2</sub> lít khí NO. Nếu sau đó lại thêm tiếp 12 gam Mg vào dung dịch sau phản ứng sinh ra V<sub>3</sub> lít hỗn hợp khí N<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>, dung dịch chứa muối clorua và hỗn hợp M của các kim loại. Biết thể tích khí đo ở điều kiện tiêu chuẩn. Giá trị của V<sub>3</sub> và khối lượng của Mg trong hỗn hợp M là :

- A. 1,120 lít và 6,000 gam                              B. 1,493 lít và 5,920 gam  
C. 1,120 lít và 4,800 gam                              D. 1,493 lít và 5,400 gam

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây là sai?

Trong nhóm nitơ, từ nitơ đến bitmut,

- A. tính axit của các oxit giảm dần, đồng thời tính bazơ tăng dần.  
B. hợp chất khí với hydro RH<sub>3</sub> có độ bền nhiệt tăng dần.  
C. khả năng oxi hoá giảm dần do độ âm điện giảm dần.  
D. tính phi kim giảm dần đồng thời tính kim loại tăng dần.

**Câu 13** Cho 0,1 mol một anđehit X tác dụng hết với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> (dư), thu được 43,2 gam Ag. Hidro hóa hoàn toàn X được ancol Y. Biết khi cho 0,1 mol Y tác dụng vừa đủ với Na thì thu được 12,0 gam chất rắn. Công thức phân tử của X là

- A. C<sub>6</sub>H<sub>8</sub>O.                              B. CH<sub>2</sub>O.                              C. C<sub>3</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub>.                              D. C<sub>3</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>.

**Câu 14.** Trong công nghiệp, để chuyển hoá chất béo lỏng (dầu) thành mỡ rắn, người ta

- A. làm lạnh chất béo lỏng.                              B. xà phòng hoá chất béo lỏng.  
C. dehidro hoá chất béo lỏng.                              D. hidro hoá chất béo lỏng.

**Câu 15.** Cho 8,04 gam hỗn hợp hơi gồm CH<sub>3</sub>CHO và C<sub>2</sub>H<sub>2</sub> tác dụng hoàn toàn với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> thu được 55,2 gam kết tủa. Cho kết tủa này vào dung dịch HCl dư. Sau khi phản ứng kết thúc còn lại m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 41,69 gam.      B. 55,2 gam.      C. 21,6 gam.      D. 61,78 gam.

**Câu 16** Cho 39,84 gam hỗn hợp **F** gồm kim loại **M** và  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  vào dung dịch  $\text{HNO}_3$  đun nóng khuấy đều hỗn hợp để phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 4,48 lít khí  $\text{NO}_2$  là sản phẩm khử duy nhất (đktc), dung dịch **G** và 3,84 gam kim loại **M**. Cho lượng dư dung dịch  $\text{NH}_3$  vào dung dịch **G** thu được kết tủa **B**. Nung **B** trong không khí đến khối lượng không đổi được 24 gam chất rắn ? Nếu cô cạn cẩn thận dung dịch **G** thu được bao nhiêu gam muối khan ? Biết **M** có hóa trị không đổi trong các phản ứng trên.

- A. 91,6 gam      B. 88,8 gam      C. 90,0 gam      D. 94,4 gam

**Câu 17.** Hỗn hợp **X** gồm  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  và **Cu**. Cho 122,4 gam **X** tác dụng với dung dịch  $\text{HNO}_3$  loãng, đun nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 6,72 lít khí  $\text{NO}$  (ở đktc, sản phẩm khử duy nhất), dung dịch **Y** và chất rắn **Z** chỉ có 4,8 gam kim loại. Cô cạn dung dịch **Y**, thu được **m** gam muối khan. Giá trị của **m** là

- A. 274,2.      B. 217,8.      C. 303,0.      D. 195,0.

**Câu 18.** Cho các phản ứng sau.

- (a)  $\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$   
 (b)  $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + 2\text{CO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$   
 (c)  $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$   
 (d)  $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{CH}_3\text{COOH} \rightarrow 2\text{CH}_3\text{COONa} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$   
 (e)  $\text{KHCO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{KCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$

Số phản ứng có phương trình ion rút gọn.  $\text{CO}_3^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$  là

- A. 1.      B. 3.      C. 2.      D. 4.

**Câu 19.** Kết luận nào sau đây **đúng** ?

- A. Những chất khác nhau có cùng công thức phân tử được gọi là những chất đồng phân.  
 B. Những chất có tính chất hoá học tương tự nhau là những chất đồng đẳng.  
 C. Những chất đồng phân là những chất có cùng công thức phân tử nhưng khác nhau về công thức cấu tạo.  
 D. Những chất có cùng khối lượng phân tử là những chất đồng phân.

**Câu 20** Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp 3 kim loại : **Na**, **Zn**, **Fe** vào dung dịch axi sunfuric loãng được **V** lít khí  $\text{H}_2$  (đktc). Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp **X** gồm **Fe** và kim loại **M** (có hóa trị II) trong dung dịch **HCl**, cũng được **V** lít khí  $\text{H}_2$  (đktc). Biết khối lượng sắt trong hai hỗn hợp là như nhau ; khối lượng **M** bằng  $\frac{1}{2}$  khối lượng **Na** và **Zn**. Đốt cháy hoàn toàn **m** gam **M** trong 10,08 lít không khí (chứa 20%  $\text{O}_2$ , 80%  $\text{N}_2$  về thể tích) thì giá trị của **m** là :

- A. 1,08 gam      B. 27,00 gam      C. 1,80 gam      D. 18,00 gam

**Câu 21.** Dãy gồm các chất đều tác dụng với ancol etylic là

- A. **NaOH**, **K**, **MgO**,  $\text{CH}_3\text{COOH}$  (xúc tác,  $t^\circ$ ).  
 B. **K**,  $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$  (phenol), **NaOH**,  $\text{CH}_3\text{COOH}$  (xúc tác,  $t^\circ$ ).  
 C. **Na**,  $\text{CH}_3\text{OH}$  (xúc tác,  $t^\circ$ ),  $\text{HCOOH}$  (xúc tác,  $t^\circ$ ), **HCl** ( $t^\circ$ ).  
 D.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ , **CaO**,  $(\text{CH}_3\text{CO})_2\text{O}$ ,  $\text{CH}_3\text{COOH}$  (xúc tác,  $t^\circ$ ).



A. 12,96.

B. 16,32.

C. 14,88.

D. 15,20.

**Câu 31:** Đun nóng hỗn hợp khí **X** gồm 0,05 mol  $C_2H_2$  và 0,01 mol  $H_2$  trong một bình kín (xúc tác Ni), thu được hỗn hợp khí **Y**. Cho **Y** lội từ từ vào bình nước brom (dư), sau khi kết thúc các phản ứng, khối lượng bình tăng m gam và có 1,12 lít hỗn hợp khí **Z** (đktc) thoát ra. Tỉ khối của **Z** so với  $H_2$  là 8. Giá trị của m là

A. 0,65.

B. 0,52.

C. 0,60.

D. 0,5.

**Câu 32:** Phân lớp electron ngoài cùng của nguyên tử **X**, **Y** lần lượt là  $3s^a$ ,  $3p^b$ . Biết phân lớp 3s của **X**, **Y** hơn kém nhau 1 electron;  $a + b = 5$ . Nhận định nào sau đây là **đúng**?

A. Hidroxit cao nhất của **Y** là axit mạnh.

B. **X** tan trong nước tạo dung dịch làm đỏ quỳ tím.

C. Năng lượng ion hóa nguyên tử của **X** lớn hơn của **Y**.

D. Hợp chất của **X**, **Y** với hydro đều là chất khí ở điều kiện thường.

**Câu 33:** Dãy gồm những chất nào sau đây đều tác dụng được với dung dịch nước brom?

A.  $H_2S$ ,  $SO_2$ ,  $NH_3$ .

B. HF,  $H_2S$ , NaOH.

C. CuO, KCl,  $SO_2$ .

D. KI,  $NH_3$ ,  $Fe_2(SO_4)_3$ .

**Câu 33:** Cho các phát biểu sau;

(1) Khả năng phản ứng cộng của etilen lớn hơn của benzen.

(2) Có thể phân biệt: benzen, toluen và stiren bằng dung dịch  $KMnO_4$ .

(3) Hidro hóa ankin với xúc tác Pd,  $PbCO_3$  thu được sản phẩm chính là các anken.

(4) Phản ứng giữa benzen với clo khi chiếu sáng là phản ứng cộng.

(5) Khi cho propen hợp nước (xt  $H^+$ ,  $t^0$ ) thu được sản phẩm chính là ancol isopropylic.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 5.

B. 3.

C. 4.

D. 2.

**Câu 34:** Trong số các chất hữu cơ (chứa C, H, O) đều có phân tử khối bằng 60, có a chất tác dụng được với Na giải phóng  $H_2$ ; b chất tác dụng được với dung dịch NaOH; c chất tham gia phản ứng tráng bạc. Giá trị của a, b, c lần lượt là:

A. 4; 2; 2.

B. 2; 1; 0.

C. 3; 2; 1.

D. 2; 2; 0.

**Câu 35:** Đốt m gam hỗn hợp **X** gồm Fe, Cu, Mg, Zn trong oxi thu được 29,7 gam hỗn hợp chất rắn **Y**. Hòa tan hết **Y** bằng dung dịch  $HNO_3$  đặc nóng dư thu được 17,92 lít khí  $NO_2$  (đktc). Cho m gam hỗn hợp **X** tác dụng với dung dịch  $H_2SO_4$  đặc, nóng, dư thu được dung dịch **Z** chứa 84,1 gam muối và khí  $SO_2$ . Biết rằng  $NO_2$  và  $SO_2$  là các sản phẩm khử duy nhất của  $HNO_3$  và  $H_2SO_4$ . Giá trị của m là

A. 23,3.

B. 20,1.

C. 26,5.

D. 20,9.

**Câu 36** Một hỗn hợp **X** gồm 3 muối halogen của kim loại Natri nặng 6,23 gam hòa tan hoàn toàn trong nước được dung dịch A. Sục khí clo dư vào dung dịch A rồi cô cạn hoàn toàn dung dịch sau phản ứng được 3,0525g muối khan B. Lấy một nửa lượng muối này hòa tan vào nước rồi cho phản ứng với dung dịch  $AgNO_3$  dư thì thu được 3,22875g kết tủa. Một trong 3 muối trong **X** không thể là :

A. NaI

B. NaF

C. NaBr

D. NaCl

**Câu 37** Trong phòng thí nghiệm, bộ dụng cụ vẽ dưới đây có thể dùng để điều chế các chất khí nào trong số các khí sau :





dung dịch NaOH và tạo ra 1,78 gam muối khan. Biết rằng số mol cacbon trong mỗi phân tử axit không vượt quá 4. Este hóa X, Y (mỗi chất 0,1 mol) với 11,5 gam ancol etylic (hiệu suất 75% cho mỗi phản ứng) thu được bao nhiêu gam este ? (giả thiết chỉ xảy ra phản ứng este hóa)

- A. 16,04 gam      B. 15,48 gam      C. 14,19 gam      D. 13,76 gam

**Câu 42.** Dãy các kim loại nào sau đây có thể được điều chế bằng phương pháp điện phân dung dịch muối của chúng?

- A. Cu, Mg, Zn.      B. Fe, Ni, Al.      C. Ca, Cu, Au.      D. Ag, Fe, Cu.

**Câu 43.** Cho dung dịch chứa 24,2 gam hỗn hợp axit fomic, axit axetic và axit oxalic tác dụng vừa đủ với NaHCO<sub>3</sub> thu được 11,2 lít khí CO<sub>2</sub> (đktc). Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 35,2.      B. 35,7.      C. 13,2.      D. 44,2.

**Câu 44.** Dãy gồm các chất đều có thể điều chế trực tiếp anđehit axetic bằng một phản ứng là

- A. HCOOC<sub>2</sub>H<sub>3</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>, CH<sub>3</sub>COOH.      B. CH<sub>3</sub>COOH, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>.  
C. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH, C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>.      D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>, CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.

**Câu 45:** Cho dãy các hóa chất sau: Cr(OH)<sub>3</sub>, K<sub>2</sub>Cr<sub>2</sub>O<sub>7</sub>, NaHCO<sub>3</sub>, AlCl<sub>3</sub>, FeCl<sub>2</sub>, AgNO<sub>3</sub> và Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>. Số chất trong dãy tác dụng được cả với dung dịch HCl đặc (đun nóng) và với dung dịch NaOH (đặc) là:

- A. 7.      B. 4.      C. 5.      D. 6.

**Câu 46.** Cho 5,528 gam hỗn hợp X gồm Fe và Cu (n<sub>Fe</sub> : n<sub>Cu</sub> = 18,6) tác dụng với dung dịch chứa 0,352 mol HNO<sub>3</sub> thu được dung dịch Y và khí NO (sản phẩm khử duy nhất). Tiến hành điện phân dung dịch Y với điện cực trơ, cường độ dòng điện I = 3,6345 ampe trong thời gian t giây thấy khối lượng cactôt tăng 0,88 gam (giả thiết kim loại sinh ra bám hết vào catôt). Giá trị của t là

- A. 1252.      B. 797.      C. 2337.      D. 2602.

**Câu 47:** Cho một số tính chất sau:

- (1) là chất rắn không màu, tan tốt trong nước, tạo dung dịch có vị ngọt;
- (2) bị oxi hóa bởi dung dịch brom hoặc AgNO<sub>3</sub> trong dung dịch NH<sub>3</sub> đun nóng;
- (3) lên men trong điều kiện thích hợp thu được etanol và khí cacbonic.
- (4) tác dụng với (CH<sub>3</sub>CO)<sub>2</sub>O có thể tạo ra hợp chất có tối đa 5 chức este (pentaeste).
- (5) bị khử bởi H<sub>2</sub> với xúc tác Ni đun nóng, tạo thành sobitol.

Số tính chất **đúng** với glucozo là:

- A. 4.      B. 2.      C. 5.      D. 3.

**Câu 48:** Hỗn hợp X gồm sắt và 2 oxit của nó. Cho m gam X tác dụng với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đặc nóng dư đến phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch Y và thoát ra 2,24 lít SO<sub>2</sub> (đktc). Cho dung dịch NaOH dư vào Y thu được kết tủa Z. Nung Z tới khối lượng không đổi thì thấy khối lượng giảm 7,02 gam. Giá trị của m gam là

- A. 11,2      B. 14,4      C. 16,0      D. 19,2

**Câu 49** Hỗn hợp khí A gồm một ankin X và một anken Y (có cùng số nguyên tử C) và hiđro có tỉ khối so với H<sub>2</sub> bằng 7,8. Cho hỗn hợp A qua ống Pt nung nóng đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn được hỗn hợp khí B tỉ khối hơi so với A là  $\frac{20}{9}$ . Nếu đem đốt cháy 0,1 mol hỗn hợp A (trong đó có

40% X về số mol) thì thể tích khí oxi (Đktc) cần dùng là bao nhiêu ?

**A. 9,632 lít**

**B. 7,392 lít**

**C. 10,080 lít**

**D. 8,960 lít**

**Câu 50:** Hỗn hợp X gồm axit axetic, axit acrylic, axit but-3-inoic và vinyl fomat. Đốt m gam hỗn hợp X thu được hỗn hợp Y gồm CO<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>O có tổng khối lượng là 2,295m gam. Hấp thụ hết hỗn hợp Y vào 440 gam dung dịch NaOH 12% thu được dung dịch 2 muối có tổng nồng độ phần trăm là 18,536%. Giá trị của m là

**A. 25,2**

**B. 24,5**

**C. 26,8.**

**D. 27,3**